

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Công ty: Công ty TNHH MTV Quản lý Quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243.9388855

Fax: 0243.9388500

Người thực hiện công bố thông tin: Phan Hải Sâm

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Công bố thông tin về việc: Báo cáo Tổng kết hoạt động quản lý quỹ năm 2023 - Quỹ đầu tư trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (VTBF).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 29/03/2024 tại đường dẫn https://vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/504/PRODUCT_INFO/F4

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như đề gửi;
- Lưu TCHC, QLQ.

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VIETINBANK



Phan Hải Sâm

**CÔNG TY TNHH MTV
QUẢN LÝ QUỸ
NGÂN HÀNG TMCP
CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Số: 10 /BC-QLQ

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

**BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ VTBF
NĂM 2023**

1. THÔNG TIN VỀ QUỸ

a) Tên của quỹ: Quỹ Đầu tư Trái phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam.

Tên viết tắt: VTBF.

Loại hình quỹ: Quỹ mở.

b) Mục tiêu đầu tư của quỹ:

Quỹ hướng tới mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận đồng thời bảo toàn vốn cho Nhà đầu tư thông qua việc đầu tư vào các loại tín phiếu, trái phiếu, giấy tờ có giá và các công cụ có thu nhập cố định khác với tỷ trọng đầu tư vào các tài sản này chiếm từ tám mươi phần trăm (80%) giá trị tài sản ròng trở lên.

c) Thời hạn hoạt động của quỹ (nếu có): Không xác định.

d) Danh mục tham chiếu (benchmark portfolio) (nếu có): Quỹ không có danh mục đầu tư tham chiếu.

e) Chính sách phân chia lợi nhuận:

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ cho Nhà đầu tư sẽ do Công ty Quản lý quỹ đề xuất trên cơ sở các báo cáo tài chính đã kiểm toán xác nhận có đủ lợi nhuận để phân phối và được Đại hội Nhà đầu tư chấp thuận. Công ty Quản lý quỹ khấu trừ mọi khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của Pháp luật trước khi phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư. Lợi nhuận của Quỹ sẽ không được phân phối nếu sau khi phân phối:

- Quỹ không còn đủ khả năng tài chính để thực hiện các nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của mình theo quy định của Pháp luật; hoặc
- Giá trị tài sản ròng của Quỹ dưới mức tối thiểu do Pháp luật quy định

f) Số lượng đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày 31/12/2023: 4.334.309,13 chứng chỉ quỹ.

g) Nội dung thay đổi tại Điều lệ Quỹ trong kỳ báo cáo (nếu có): Không có.

h) Nội dung Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư trong kỳ báo cáo (nếu có): Nội dung Nghị quyết Đại hội Nhà đầu tư đã được công bố thông tin trên website của Công ty:

https://vietinbankcapital.vn/vi-vn/san-pham-dich-vu/san-pham/getdetai/504/PRODUCT_INFO/F4/6226



i) Ý kiến nhận xét của Ngân hàng giám sát về các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ mở:

Công ty Quản lý quỹ không vi phạm các nội dung quy định tại Thông tư hướng dẫn về hoạt động và quản lý quỹ mở.

2. BÁO CÁO VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

a) Thông tin về danh mục đầu tư và giá trị tài sản ròng của quỹ, cụ thể:

Danh mục đầu tư của quỹ phân bổ theo loại sản phẩm (cổ phiếu, trái phiếu...) tại thời điểm 31/12/2023:

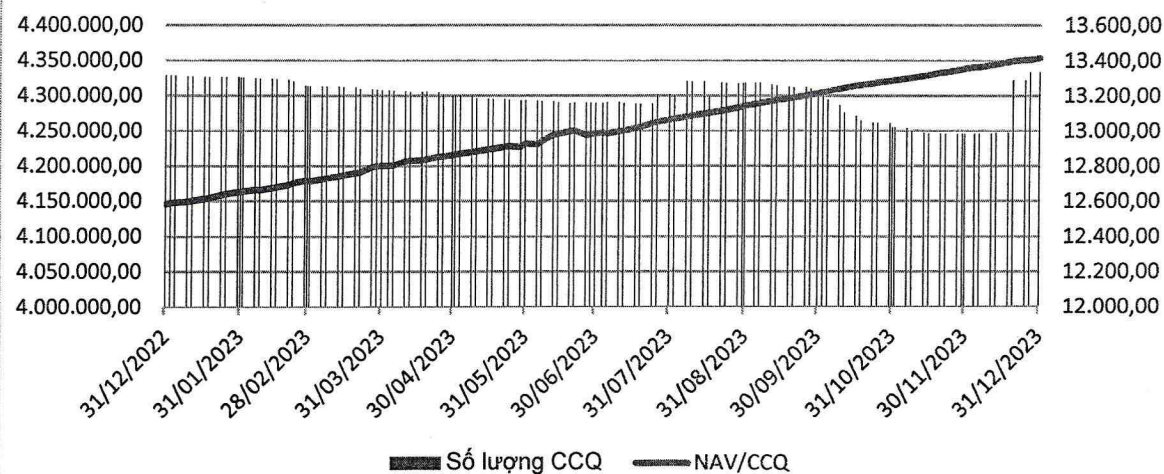
Quỹ VTBF	Tính đến 31/12/2019		Tính đến 31/12/2020		Tính đến 31/12/2021		Tính đến 31/12/2022		Tính đến 31/12/2023	
	Tỷ VND	Tỷ trọng	Tỷ VND	Tỷ trọng	Tỷ VND	Tỷ trọng	Tỷ VND	Tỷ trọng	Tỷ VND	Tỷ trọng
Trái phiếu doanh nghiệp	30,85	30,04%	1,42	11,07%	1,47	34,07%	18,93	34,61%	14,98	25,66%
Cổ phiếu niêm yết	0,40	0,39%	0,00	0,00%	0,00	0,00%	0,00	0,00%	0,00	0,00%
Tiền gửi & Chứng chỉ tiền gửi	66,40	64,65%	11,26	87,85%	2,76	64,03%	33,91	61,98%	41,20	70,56%
Khác	5,05	4,91%	0,14	1,08%	0,08	1,89%	1,87	3,41%	2,21	3,78%
Tổng giá trị tài sản	102,70	100,00%	12,82	100,00%	4,30	100,00%	54,71	100,00%	58,39	100,00%

**Danh mục đầu tư của Quỹ VTBF - Phân bổ theo ngành
tại ngày 31/12/2023**



Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị CCQ (VND/CCQ)	Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành (CCQ)	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ trong kỳ (VND/CCQ)	
			Cao nhất	Thấp nhất
58.148.939.199	13.415,96	4.334.309,13	13.415,96	12.588,34

Biểu 01: NAV/CCQ và số lượng CCQ



Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019 (VND)	Năm 2020 (VND)	Năm 2021 (VND)	Năm 2022 (VND)	Năm 2023 (VND)
1	Cổ tức, trái tức được nhận	4.930.882.38	1.517.497.785	161.040.449	1.468.210.225	1.488.712.401
2	Lãi được nhận	5.779.119.028	1.376.371.873	398.542.699	1.748.931.095	3.192.226.103
3	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	314.044.546	(97.880.721)	71.089.371	(4.549.220)	(157.442.338)
4	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	272.870.006	(10.520.901)	(15.442.722)	2.977.544	(16.434.590)
	TỔNG	11.296.915.965	2.785.468.036	615.229.797	3.215.569.644	4.507.061.576

- Lợi nhuận đã phân phối trên một đơn vị quỹ (giá trị thuần và giá trị gộp) trong kỳ báo cáo: Quỹ không phân phối lợi nhuận trong năm 2023.
- Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ, tốc độ vòng quay danh mục và thuyết minh về việc chênh lệch chi phí hoạt động của quỹ:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
1	Tỷ lệ phí quản lý trả cho Công ty Quản lý quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,73%	0,75%	0,50%	0,89%	1,00%
2	Tỷ lệ phí lưu ký, giám sát trả cho Ngân hàng Giám sát/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,21%	0,42%	0,08%	0,07%	0,08%
3	Tỷ lệ phí dịch vụ quản trị quỹ, chi phí đại lý chuyển nhượng và các chi phí khác mà Công ty Quản lý Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,30%	0,82%	1,75%	0,35%	0,27%
4	Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán (nếu phát sinh)/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,07%	0,10%	0,5%	0,09%	0,07%
5	Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho ban đại diện quỹ/Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ	0,17%	0,48%	1,75%	0,33%	0,24%
6	Tỷ lệ chi phí hoạt động (*)	1,50%	2,56%	4,58%	1,74%	1,66%
7	Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	146,89%	250,20%	87,90%	157,52%	35,48%

(*) Tỷ lệ được tính toán cho khoảng thời gian 12 tháng tại ngày lập báo cáo tài chính, tổng chi phí hoạt động được sử dụng để tính toán là số liệu ước tính cho cả năm dựa trên kết quả hoạt động từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023.

b) Chỉ tiêu về lợi nhuận của quỹ:

Chỉ tiêu	Từ ngày 01/01/2019 đến 31/12/2019 (VND)	Từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 (VND)	Từ ngày 01/01/2021 đến 31/12/2021 (VND)	Từ ngày 01/01/2022 đến 31/12/2022 (VND)	Từ ngày 01/01/2023 đến 31/12/2023 (VND)
Lợi nhuận sau thuế TNDN	9.538.497.509	1.953.812.135	248.732.911	2.433.785.044	3.576.700.730

c) Các chỉ tiêu so sánh khác, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc:

Phương thức, nguyên tắc xác định giá trị tài sản, giá trị lợi nhuận là thống nhất, đã được công bố và được thẩm định bởi một tổ chức độc lập khác: Phương pháp xác định giá trị tài sản ròng được quy định trong Điều lệ, Sổ tay định giá được lập bởi Công ty Quản lý quỹ, được Ban

đại diện Quỹ thông qua và kiểm tra rà soát bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành; việc xác định giá trị tài sản ròng định kỳ của quỹ được thực hiện bởi Ngân hàng giám sát BIDV chi nhánh Hà Thành và kiểm tra rà soát bởi Công ty Quản lý Quỹ.

Dữ liệu được cung cấp bởi một tổ chức độc lập: Dữ liệu về giá chứng khoán niêm yết được thu thập trên HSX và HNX.

d) Khuyến cáo: Các thông tin về kết quả hoạt động của quỹ trước đây chỉ mang tính tham khảo và không có nghĩa là việc đầu tư sẽ bảo đảm khả năng sinh lời cho nhà đầu tư.

3. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ TÀI SẢN CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Công ty Quản lý quỹ: Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 6, TTTM Chợ Cửa Nam, 34 Cửa Nam, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

a) Thuyết minh về việc thay đổi Công ty quản lý quỹ (nếu có): không có

b) Thuyết minh về việc quỹ có đạt được mục tiêu đầu tư

So với thời điểm cuối năm 2022, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ VTBF tính đến ngày 31/12/2023 đã tăng 6,61% giá trị; tương đương với mức tăng 6,61%/năm, thấp hơn mức lợi nhuận kỳ vọng (không phải là tỷ suất lợi nhuận tham chiếu) của quỹ VTBF là 7-8%/năm.

c) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong cùng kỳ báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.

d) So sánh kết quả lợi nhuận của quỹ với kết quả lợi nhuận của danh mục tham chiếu, chỉ số cơ sở công bố tại Bản cáo bạch trong khoảng thời gian năm (05) năm gần nhất, tính tới ngày báo cáo (bằng đồ thị): Quỹ không áp dụng danh mục tham chiếu, chỉ số tham chiếu.

e) Mô tả chiến lược, chiến thuật đầu tư mà quỹ đã sử dụng trong kỳ báo cáo. Trường hợp có sự khác biệt giữa chiến lược, chiến thuật đầu tư thực hiện trong kỳ so với chiến lược, chiến thuật đầu tư đã công bố tại Bản cáo bạch, thì phải bổ sung thuyết minh và đánh giá ưu, nhược điểm của chiến lược, chiến thuật đầu tư đã thực hiện trong kỳ:

Trong kỳ, Quỹ tiếp tục lựa chọn cơ hội đầu tư và giải ngân thận trọng, bám sát vào chiến lược đầu tư đã đặt ra trong Bản cáo bạch, nhằm mang lại lợi nhuận dài hạn và ổn định bằng cách ưu tiên chủ yếu vào các tài sản có thu nhập cố định có chất lượng tín dụng tốt, cơ cấu đầu tư tuân thủ theo Điều lệ và Bản cáo bạch hiện hành. Theo đó tỷ trọng các tài sản có thu nhập cố định (tiền gửi, CCTG, TPDN) tại thời điểm cuối năm chiếm trên 96% tổng tài sản của Quỹ.

Việc phân bổ tài sản trên tùy thuộc vào các cơ hội đầu tư sẵn có và đánh giá của đội ngũ đầu tư về rủi ro và lợi nhuận mang lại của các cơ hội đầu tư này đối với các loại tài sản.

f) Mô tả sự khác biệt về cơ cấu danh mục đầu tư của quỹ tại thời điểm báo cáo, so với danh mục đầu tư của quỹ năm liền kề năm báo cáo:

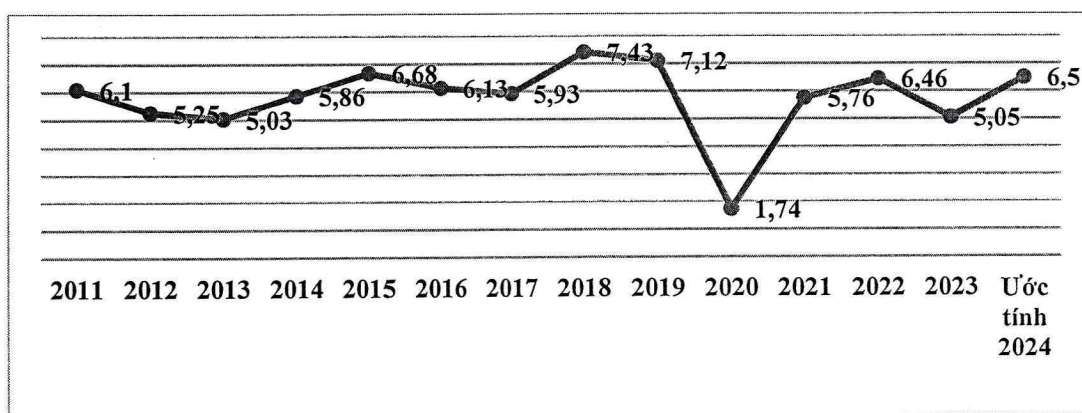
Stt	Chỉ tiêu	31/12/2022		31/12/2023	
		(VND)	Tỷ trọng	(VND)	Tỷ trọng
1	Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của Quỹ mở	317.149.443	0,58%	501.179.585	0,86%
2	Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	3.800.000.000	6,95%	0	0,00%
3	Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng	0	0,00%	2.500.000.000	4,28%
4	Cổ phiếu	0	0,00%	0	0,00%
5	Trái phiếu	18.934.418.609	34,61%	14.983.580.479	25,66%
6	Đầu tư khác	29.795.776.414	54,46%	38.198.750.654	65,42%
7	Tài sản khác	1.867.262.408	3,41%	2.205.346.029	3,78%
	Tổng giá trị danh mục	54.714.606.874	100,00%	58.388.856.747	100,00%

g) Phân tích kết quả hoạt động của quỹ dựa trên việc so sánh giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (sau khi đã điều chỉnh phần lợi nhuận đã phân phối, nếu có) tại kỳ báo cáo này tại kỳ báo cáo gần nhất: Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tại kỳ định giá 31/12/2023: 13.415,96 VND/CCQ, tăng 6,61% giá trị so với 31/12/2022. Trong năm 2023, quỹ không phân chia lợi nhuận.

h) Đánh giá biến động của các thị trường trong kỳ báo cáo

(1) Trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều khó khăn, thách thức, phức tạp và bất thường, nền kinh tế Việt Nam tiếp tục được duy trì với mức tăng trưởng kinh tế ước tính tăng 5,05% so với năm trước (Quý I tăng 3,41%; quý II tăng 4,25%; quý III tăng 5,47%; quý IV tăng 6,72%). Trong mức tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,83%, đóng góp 8,84%; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 3,74%, đóng góp 28,87%; khu vực dịch vụ tăng 6,82%, đóng góp 62,29%.

Tốc độ tăng GDP năm 2023 so với cùng kỳ năm trước các năm trong giai đoạn 2011-2024 (%)



- (2) Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2023 tăng 3,25% so với năm 2022. Chỉ số lạm phát cơ bản bình quân năm 2023 tăng 4,16% so với năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,25%). Xu hướng lạm phát giảm do xu hướng hạ nhiệt của giá một số mặt hàng hóa – dịch vụ thế giới, cũng như sự chủ động ứng phó đảm bảo nguồn cung các mặt hàng thiết yếu, các giải pháp bình ổn giá do Nhà nước quản lý hạn chế những tác động tiêu cực đến phát triển kinh tế – xã hội và qua đó giúp kiềm chế lạm phát của năm 2023.
- (3) Xuất – Nhập khẩu nhìn chung có sự sụt giảm và chịu ảnh hưởng tiêu cực hơn, cụ thể tính cả năm 2023, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa ước đạt 683 tỷ USD, giảm 6,6% so với năm trước, trong đó xuất khẩu giảm 4,4%; nhập khẩu giảm 8,9%. Nguyên nhân xuất nhập khẩu giảm là do nền kinh tế của Việt Nam đang phải đối mặt với ảnh hưởng của lạm phát trong năm 2023, tác động tới các doanh nghiệp sản xuất phục vụ mặt hàng xuất khẩu; tình hình suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia trên thế giới chịu tác động mạnh mẽ từ các cuộc xung đột địa chính trị, lạm phát toàn cầu tăng cao dẫn đến xu hướng tiêu dùng toàn cầu suy giảm tác động tiêu cực đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam.
- (4) Về tỷ giá từ đầu năm 2023 đến nay, tỷ giá diễn biến linh hoạt theo cả 2 chiều, phù hợp với điều kiện thị trường và nền tảng kinh tế vĩ mô. Vị thế đồng USD suy yếu làm giảm sức ép lên tỷ giá USD/VND, tạo cơ hội cho Ngân hàng Nhà nước (NHNN) nói lỏng chính sách tiền tệ để hỗ trợ nền kinh tế. Theo đó, diễn biến tỷ giá trung tâm của VND so với USD trong nửa đầu năm 2023 tương đối ổn định khi chỉ nhích tăng 0.38% so với đầu năm và tăng 0.27% so với mức đỉnh lập được hồi giữa tháng 10/2022, đạt 23,701 đồng/USD (tính đến ngày 17/07/2023).
- Sau giai đoạn trầm lắng, dưới sức ép tăng nóng của giá USD trên thị trường quốc tế (kể từ tháng 7/2023), tỷ giá trung tâm USD/VND cũng tạo cơn sốt, leo thẳng lên đỉnh 24,005 đồng/USD vào ngày 11/09/2023. Đây cũng là lần đầu tiên trong lịch sử, tỷ giá trung tâm vượt mốc 24,000 đồng/USD.
- Áp lực đẩy tỷ giá tăng nóng đến từ việc NHNN vẫn duy trì sự khác biệt giữa chính sách tiền tệ của mình đối với các NHTW lớn khác (mức chênh lệch suất USD - VND ở mức khá cao và tạo áp lực rút vốn ra khỏi Việt Nam). Bên cạnh đó, giai đoạn này, VND còn phải chịu áp lực mang tính mùa vụ từ việc chuyển lợi nhuận về nước của các doanh nghiệp FDI.
- (5) Lãi suất huy động có xu hướng giảm trong những ngày cuối năm 2023, Theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước, tính chung cả năm 2023, lãi suất huy động đã giảm bình quân 2,5 - 3% so với đầu năm. So với giai đoạn COVID-19, lãi suất huy động kỳ hạn trên 12

tháng đang thấp hơn khoảng 0,5%, nhưng lại tương đồng ở kỳ hạn 6-9 tháng. Tuy nhiên, trong giai đoạn nền kinh tế đang phục hồi, việc duy trì mặt bằng lãi suất thấp sẽ được ưu tiên. Đồng thời, việc duy trì lãi suất huy động thấp trong thời gian đủ lâu cũng là điều kiện cần để kéo mặt bằng lãi suất cho vay đi xuống. Nguyên nhân dẫn tới mức tăng trưởng tín dụng toàn hệ thống vẫn thấp so với các năm trước, chủ yếu xuất phát từ các yếu tố khách quan như tác động của đầu tư, sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng. Một số nhóm khách hàng có nhu cầu nhưng chưa đáp ứng điều kiện vay vốn; tác động từ khả năng hấp thụ vốn của nhóm bất động sản.

- (6) Thanh khoản hệ thống ngân hàng tiếp tục được duy trì trạng thái tốt. Bất chấp mặt bằng lãi suất thấp, lượng tiền gửi vào hệ thống ngân hàng của cư và các tổ chức kinh tế đến cuối năm 2023 đạt hơn 13,5 triệu tỷ đồng (+14,2%). Tín dụng toàn nền kinh tế theo thông tin từ ngân hàng nhà nước cho cho thấy tăng khoảng 13.71% so với cuối năm 2022, tương ứng vốn mức tăng thêm 1.63 triệu tỷ đồng trong năm 2023. Đặc biệt, 2023 chứng kiến mức tăng trưởng tín dụng thấp hơn mức tăng trưởng của huy động vốn, vốn đã không xảy ra trong 3 năm qua (kể từ 2020). Thanh khoản thị trường liên ngân hàng cũng duy trì thặng dư lớn gần như hầu hết năm 2023 và giai đoạn đầu năm 2024.

Thị trường tiền tệ

Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam điều hành chính sách tiền tệ góp phần ổn định được kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát ổn định. Hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD, giữ ổn định được thị trường tiền tệ, ngoại hối và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã mua ngoại tệ để tăng dự trữ ngoại hối nhà nước.

Với chính sách tiền tệ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã 4 lần điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2%/năm trong bối cảnh lãi suất thế giới tiếp tục tăng và neo ở mức cao, tạo điều kiện để giảm mặt bằng lãi suất cho vay của thị trường. Đồng thời, chỉ đạo các Tổ chức tín dụng tiết giảm chi phí và áp dụng đồng bộ các biện pháp giảm mặt bằng lãi suất cho vay. Đến nay, lãi suất tiền gửi và cho vay mới của các ngân hàng thương mại đã giảm khoảng hơn 2%/năm so với cuối năm 2022.

Điều hành tỷ giá linh hoạt, phù hợp với tình hình trong và ngoài nước, góp phần hấp thụ các cú sốc bên ngoài, giữ ổn định được thị trường ngoại tệ và hạn chế được các biến động lớn trong ngắn hạn của tỷ giá, ổn định giá trị đồng tiền; thanh khoản thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ.

Nhiều giải pháp, chính sách, chương trình tín dụng đã được NHNN triển khai đồng bộ, quyết liệt, tập trung mọi nguồn lực để đảm bảo cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khoảng 5% (thấp hơn mục tiêu đề ra nhưng là mức tăng cao trên thế giới), hỗ trợ doanh nghiệp, người dân vượt qua khó khăn, phục hồi sản xuất kinh doanh. Với hệ thống các chỉ đạo và giải pháp đồng bộ của NHNN, đến cuối năm 2023, tăng trưởng tín dụng đạt khoảng

13,5%. Nợ xấu được tập trung xử lý và kiểm soát trong bối cảnh nền kinh tế và sản xuất kinh doanh gặp nhiều khó khăn, ảnh hưởng đến khả năng trả nợ của doanh nghiệp.

Thị trường trái phiếu

Theo dữ liệu VBMA tổng hợp từ HNX và SSC, tính đến ngày công bố thông tin 31/12/2023, có 55 đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong tháng 12/2023 với tổng giá trị 42.806 tỷ đồng. Các đợt phát hành trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ trong tháng 12/2023 có lãi suất trung bình 7,1%/năm, kỳ hạn trung bình 6 năm.

Năm 2023, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp được ghi nhận là 311.240 tỷ đồng, với 29 đợt phát hành ra công chúng, trị giá 37.071 tỷ đồng, chiếm 11,9% tổng giá trị phát hành và 286 đợt phát hành riêng lẻ trị giá 275.028 tỷ đồng, chiếm 88,1% tổng số phát hành. Ngân hàng là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với 176.006 tỷ đồng, tương đương 56,5% tổng giá trị phát hành, theo sau là nhóm Bất động sản với 73.202 tỷ đồng (chiếm 23,5%).

Trong tháng 12/2023, các doanh nghiệp đã mua lại 32.677 tỷ đồng, giảm 50,4% so với cùng kỳ năm 2022. Năm 2024, ước tính sẽ có khoảng 277.065 tỷ đồng trái phiếu đáo hạn. Hiện số trái phiếu chậm trả lãi đã giảm so với đầu năm, chỉ có 6 mã trái phiếu mới công bố chậm trả lãi/gốc với tổng giá trị 545,7 tỷ đồng trong tháng 12/2023. Trong tháng 12/2023, cũng có 8 mã trái phiếu được gia hạn so với thời gian đáo hạn được kéo dài chủ yếu từ 1 đến 2 năm.

Thị trường chứng khoán

Kết thúc năm 2023, thị trường chứng khoán ghi nhận mức tăng 12,2% của VN-Index lên mốc 1.129,93 điểm. Thanh khoản thị trường tăng mạnh trong nhịp bứt phá của VN-Index giai đoạn tháng 5 đến cuối tháng 9 trước khi sụt giảm vào các tháng cuối năm.

Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2023 trải qua nhiều biến động và chịu áp lực lớn từ diễn biến phức tạp của thị trường chứng khoán quốc tế. Nửa đầu năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam giao dịch trầm lắng, thanh khoản sụt giảm mạnh so với năm ngoái. Nguyên nhân chủ yếu đến từ sự suy giảm tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, lạm phát dai dẳng cùng chính sách thắt chặt tiền tệ kéo dài của các nền kinh tế lớn và căng thẳng địa chính trị ngày càng phức tạp.

Sang quý 3/2023, chỉ số chứng khoán Việt Nam đã có sự bứt phá mạnh mẽ. Ngày 12/9/2023, chỉ số VN-Index đã đạt mức cao nhất kể từ đầu năm, đóng cửa ở mức 1.245,44 điểm, tăng 24% so với cuối năm 2022. Tuy nhiên, vào cuối tháng 9, thị trường đã chịu áp lực điều chỉnh giảm nhưng đã dần ổn định trong thời gian gần đây.

Tương tự với diễn biến của chỉ số, sau giai đoạn trầm lắng trong những tháng đầu năm, thanh khoản thị trường bước sang quý 3 đã được cải thiện đáng kể với giá trị giao dịch bình quân đạt 24.641 tỷ đồng/phiên, tăng 80% so với mức giao dịch bình quân 6 tháng đầu năm.

Sang đến tháng 10/2023, thanh khoản sụt giảm trở lại cùng với áp lực điều chỉnh của thị trường chứng khoán. Tính chung từ đầu năm đến nay, giá trị giao dịch bình quân đạt 17.492 tỷ đồng/phiên, giảm 13,3% so với cùng kỳ năm ngoái.

Cùng với đó, quy mô vốn hóa và quy mô niêm yết của thị trường cổ phiếu vẫn tiếp tục tăng so với cuối năm 2022. Tính đến ngày 30/11/2023, mức vốn hóa thị trường đạt 5.754 nghìn tỷ đồng, tăng 10,1% so với cuối năm 2022, tương đương 60,5% GDP.

Quy mô niêm yết, đăng ký giao dịch của thị trường tính đến cuối tháng 11/2023 đạt 2.092 nghìn tỷ đồng, tăng 5,5% so với cuối năm 2022 với 742 cổ phiếu, chứng chỉ quỹ niêm yết trên 2 Sở Giao dịch Chứng khoán và 859 cổ phiếu đăng ký giao dịch trên UPCoM.

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán tiếp tục thu hút sự tham gia tích cực của các nhà đầu tư. Theo số liệu của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) thông báo về số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trong nước và nước ngoài tại ngày cuối năm 2023. Tính đến cuối tháng 12/2023, toàn thị trường ghi nhận tổng cộng 7,25 triệu tài khoản chứng khoán trong nước (có 7,23 triệu tài khoản nhà đầu tư cá nhân, còn lại là tài khoản của tổ chức). Trong khi đó, số lượng tài khoản giao dịch nước ngoài là 45.384 tài khoản.

Trong tháng 12, nhà đầu tư trong nước mở mới gần 40.000 tài khoản giao dịch chứng khoán; nhà đầu tư nước ngoài mở mới gần 200 tài khoản. Thị trường không còn ghi nhận tình trạng tài khoản chứng khoán bị đóng do không phát sinh giao dịch khi công ty chứng khoán thực hiện sàng lọc như các tháng 10 và 11. Tổng kết năm 2023, thị trường chứng khoán ghi nhận thêm 393.000 tài khoản chứng khoán trong nước mở mới. Trong Chiến lược phát triển thị trường chứng khoán (TTCK) đến năm 2030 do Phó Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Khái đã ký, Chính phủ đặt mục tiêu số lượng tài khoản giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư trên TTCK đạt 9 triệu tài khoản vào năm 2025 và 11 triệu tài khoản vào năm 2030. Trong đó, Chính phủ yêu cầu tập trung phát triển nhà đầu tư có tổ chức, nhà đầu tư chuyên nghiệp và thu hút sự tham gia của nhà đầu tư nước ngoài. Tăng tỷ trọng trái phiếu Chính phủ do nhà đầu tư là tổ chức phi ngân hàng nắm giữ lên mức 55% vào năm 2025 và 60% vào năm 2030.

- i) Thông tin về việc chia, tách đơn vị quỹ trong kỳ (nếu có); ảnh hưởng của việc chia tách đơn vị quỹ và giá trị tài sản ròng trên từng đơn vị quỹ (trước và sau khi chia, tách): Không có.
- k) Các trường hợp có ảnh hưởng tới quyền lợi của nhà đầu tư nắm giữ chứng chỉ quỹ: Không có.
- l) Thông tin về các giao dịch với người có quyền lợi liên quan (nếu có): Không có.

4. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng giám sát: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Địa chỉ: 74 Thợ Nhuộm, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0100150619-073 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 12/09/2003, thay đổi lần 12 ngày 16/06/2020.

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số 510/QĐ-ĐKHĐLK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 01/08/2006.

Chúng tôi là Ngân hàng giám sát của Quỹ Đầu Tư Trái Phiếu Ngân hàng Công thương Việt Nam (“Quỹ”) cho giai đoạn từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Việc lưu ký tài sản của quỹ: Việc lưu ký tài sản của Quỹ đã tuân thủ theo quy định pháp luật chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.
- b) Công ty TNHH MTV quản lý quỹ ngân hàng công thương Việt Nam đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về quỹ mở, Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và văn bản pháp luật liên quan, tại một số kỳ định giá, cơ cấu danh mục của Quỹ có sai lệch so với hạn chế đầu tư của Quỹ, cụ thể như sau:
 - Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng từ ngày 19/09/2023 đến ngày 06/12/2023, tỷ lệ đầu tư vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 35 Thông tư 98/2020/TT-BTC của một Tổ chức phát hành (Công ty Tài chính cổ phần Tín Việt) trên tổng tài sản vượt quá hạn mức tối đa 20% theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 thông tư 98/2020/TT-BTC.
 - Từ kỳ định giá xác định giá trị tài sản ròng ngày 11/12/2023, tỷ lệ đầu tư trên đã đảm bảo hạn mức tối đa 20% theo quy định tại điểm c khoản 4 Điều 35 thông tư 98/2020/TT-BTC. Sai lệch đã được khắc phục trong thời hạn được phép theo quy định tại khoản 6, điều 35 và khoản 6 điều 24 thông tư 98/2020/TT-BTC.
- c) Việc định giá, đánh giá tài sản của Quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- d) Phát hành và mua lại Chứng chỉ quỹ đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Bản cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- e) Trong kỳ, Quỹ không phát sinh hoạt động phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

5. BÁO CÁO VỀ HOẠT ĐỘNG ỦY QUYỀN

Dịch vụ Quản trị Quỹ:

Bên nhận ủy quyền: Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hà Thành.

Địa chỉ: số 74 Phố Thợ Nhuộm, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ quản trị quỹ.

Dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

Bên nhận ủy quyền: Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Địa chỉ: Số 112 đường Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Tân, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Hoạt động nhận ủy quyền: Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

- a) Chi phí phải trả cho bên nhận ủy quyền so với lợi nhuận, thu nhập, tổng chi phí hoạt động của quỹ: Ngân hàng BIDV - chi nhánh Hà Thành nhận ủy quyền cung cấp dịch vụ quản trị quỹ mở, Trung tâm lưu ký chứng khoán VSD cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng trong kỳ.

- Chi phí trả cho dịch vụ quản trị quỹ mở : 18.447.764 đồng
- Chi phí trả cho dịch vụ chuyển nhượng : 133.100.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế của quỹ : 3.576.700.730 đồng
- Thu nhập của quỹ : 4.507.061.576 đồng
- Tổng chi phí hoạt động của quỹ : 930.360.846 đồng
- Tổng chi phí cho các hoạt động ủy quyền : 151.547.764 đồng
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên tổng chi phí hoạt động : 16,29%
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên tổng thu nhập : 3,36%
- Tỷ lệ chi phí cho các hoạt động ủy quyền trên lợi nhuận (trước thuế) : 4,24%

b) Các ảnh hưởng (nếu có) của hoạt động ủy quyền tới lợi nhuận, mức độ rủi ro của quỹ: Không có

c) Đánh giá khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa... của bên nhận ủy quyền: Các bên nhận ủy quyền có khả năng duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro, tính bảo mật, hạ tầng cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống dự phòng nóng, hệ thống dự phòng thảm họa, bảo đảm hoạt động ủy quyền được thực hiện thông suốt, không gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư.

Công ty TNHH MTV Quản lý quỹ NHTMCPCTVN



K/T. Tổng giám đốc
Phó Tổng giám đốc

Phan Hải Sâm

Handwritten signatures and initials at the bottom right corner.